

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-12-2020
Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

2. Bà Mai Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 611/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th T, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp T L, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc G, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp T L, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th T và qua lời trình bày trong quá trình giải quyết như sau:**

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc G sống chung với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Thành (nay là Phường Long Hoa), huyện Hòa Thành (nay là Thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống

thường hay cãi nhau, không có tiếng nói chung, bà và ông G đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Đến tháng 10-2020, bà Nguyễn Thị Th T gởi Đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Ngọc G .

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trần Chí L, sinh ngày 01-9-1993 và Trần Thị Th L, sinh ngày 16-10-1996. Nay 02 con chung đã thành niên, có gia đình riêng và tự nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị Th T cam kết chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng.

Nay bà Nguyễn Thị Th T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Ngọc G .

*** Đối với bị đơn ông Trần Ngọc G :**

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Ngọc G trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 09-11-2020 của tòa án như sau: Đồng ý tòa án giải quyết việc ly hôn giữa vợ chồng ông bà, con chung, tài sản chung, nợ chung thống nhất như bà T trình bày. Ngoài ra, ông Trần Ngọc G có Đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Th T đối với ông Trần Ngọc G .

Về con chung: Ông Trần Ngọc G , bà Nguyễn Thị Th T có 02 con chung tên Trần Chí L, sinh ngày 01-9-1993 và Trần Thị Th L, sinh ngày 16-10-1996. Nay 02 con chung đã thành niên, có gia đình riêng và tự nuôi sống bản thân nên ông bà không yêu cầu giải quyết cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th T, ông Trần Ngọc G trình bày không có nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Th T, ông Trần Ngọc G có Đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét tình cảm vợ chồng bà Nguyễn Thị Th T, ông Trần Ngọc G trình bày trong quá trình giải quyết vụ án đã có mâu thuẫn, không còn thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, bà Nguyễn Thị Th T có yêu cầu ly hôn, ông Trần Ngọc G cũng không có yêu cầu đoàn tụ. Xét thấy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cũng đề xuất ý kiến giải quyết cho bà Nguyễn Thị Th T, ông Trần Ngọc G ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Th T đối với ông Trần Ngọc G là phù hợp. Cho bà Nguyễn Thị Th T ly hôn với ông Trần Ngọc G .

[3] **Về con chung:** Do các con chung Trần Chí L, sinh ngày 01-9-1993 và Trần Thị Th L, sinh ngày 16-10-1996 đã thành niên, có gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu giải quyết cần ghi nhận.

[4] **Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị Th T, ông Trần Ngọc G không yêu cầu giải quyết.

[5] **Về nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Th T, ông Trần Ngọc G trình bày không có.

[6] **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Th T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th T xin ly hôn với ông Trần Ngọc G . Cho bà Nguyễn Thị Th T ly hôn với ông Trần Ngọc G .

2. Về con chung: Do các con chung Trần Chí L, sinh ngày 01-9-1993 và Trần Thị Th L, sinh ngày 16-10-1996 đã thành niên, có gia đình riêng nên ông Trần Ngọc G , bà Nguyễn Thị Th T không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Th T, ông Trần Ngọc G không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th T, ông Trần Ngọc G trình bày không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Th T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001228 ngày 19-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Th T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn Hòa Thành (nay là Phường Long Hoa), huyện Hòa Thành (nay là Thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu (Hi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Trọng Hiếu